

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2015/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương
và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình
tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2014 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài* là văn bản thỏa thuận của lãnh đạo Đảng và Nhà nước với đối tác nước ngoài về khoa học và công nghệ; biên bản cuộc họp ủy ban, tiểu ban hợp tác về khoa học và công nghệ của Việt Nam được Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ làm đại diện ký với đối tác nước ngoài; văn bản thỏa thuận song phương và đa phương về hợp tác khoa học và công nghệ được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký kết với đối tác nước ngoài; văn bản hợp tác khoa học và công nghệ của lãnh đạo bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây viết tắt là bộ, ngành và địa phương) ký với đối tác nước ngoài.

2. *Tìm kiếm công nghệ nước ngoài* là quá trình nghiên cứu nhằm phát hiện, đánh giá về tính năng ưu việt của một công nghệ nước ngoài và khả năng chuyển giao công nghệ đó vào Việt Nam, phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội của đất nước.

3. *Chuyên gia tìm kiếm công nghệ* là người có trình độ, hiểu biết chuyên sâu và khả năng phân tích, đánh giá, tư vấn về chuyển giao công nghệ để tham gia hoạt động tìm kiếm công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

4. *Báo cáo hồ sơ công nghệ* là tập hợp thông tin, tài liệu liên quan đến công nghệ, tính mới của công nghệ, ưu thế cạnh tranh, tiềm năng ứng dụng của công nghệ; các giai đoạn phát triển của công nghệ (từ ý tưởng, phòng thí nghiệm, nghiên cứu tiền khả thi/khả thi, đăng ký sở hữu trí tuệ...); đối tượng nắm giữ công nghệ; điều kiện và khả năng chuyển giao công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng công nghệ.

Điều 3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình (sau đây gọi là nhiệm vụ) là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ, bao gồm:

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương là đề tài, dự án khoa học và công nghệ do tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam hợp tác với đối tác nước ngoài cùng xây dựng, đóng góp các nguồn lực để tổ chức thực hiện và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài là đề tài, dự án khoa học và công nghệ có hoạt động tìm kiếm công nghệ; có hoạt động hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm và sản xuất sản phẩm.

3. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình là đề tài, dự án khoa học và công nghệ và các hoạt động khác nhằm triển khai mục tiêu, nội dung và giải pháp của Chương trình.

Điều 4. Nguyên tắc lựa chọn nhiệm vụ của Chương trình

Nhiệm vụ của Chương trình được lựa chọn theo nguyên tắc sau:

1. Các bên tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình có nghĩa vụ và trách nhiệm bình đẳng trong việc triển khai các công việc có liên quan, bảo đảm an ninh quốc gia, tuân thủ luật pháp Việt Nam, điều ước và thỏa thuận quốc tế.

2. Nhiệm vụ phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến (Khung Chương trình), kế hoạch triển khai Chương trình và kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Ưu tiên nhiệm vụ thực hiện với đối tác nước ngoài là cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, thế mạnh, sẵn sàng hợp tác với Việt Nam để giải quyết một số vấn đề khoa học và công nghệ mà Việt Nam quan tâm.

Điều 5. Mã số nhiệm vụ của Chương trình

1. Mã số nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương: HNQT/SPDP/XX.YY.

2. Mã số nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài: HNQT/TKCG/XX.YY.

3. Mã số nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình: HNQT/QL/XX.YY.

Trong đó:

- HNQT là mã số của Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020;

- SPDP là ký hiệu nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương.

- TKCG là ký hiệu nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài.

- QL là ký hiệu nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình.

- XX là ký hiệu số thứ tự nhiệm vụ.

- YY là ký hiệu số biểu thị năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

Chương II

NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương được lựa chọn theo nguyên tắc nêu tại Điều 4 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mục tiêu của nhiệm vụ phù hợp với văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài, đồng thời giải quyết được ít nhất một trong các vấn đề chủ yếu sau:

- Vấn đề khoa học và công nghệ mang tính chất chiến lược, lâu dài của Việt Nam theo hướng làm chủ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào một số ngành công nghiệp trọng điểm; làm chủ công nghệ thiết kế và chế tạo, công nghệ chế tác và chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tạo cơ hội để Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu;

- Vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm phục vụ trực tiếp các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia;

- Vấn đề khoa học và công nghệ được triển khai trong chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, dự án đầu tư khoa học và công nghệ trên thế giới và trong khu vực nhằm tạo bước đột phá, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam.

b) Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương phải đạt được một trong các kết quả sau: tạo ra công nghệ mới; nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ với giá trị gia tăng cao; phát triển các tổ chức, tập thể nghiên cứu mạnh, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực;

c) Tổ chức, cá nhân trong nước tham gia phải có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu theo quy định hiện hành đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Đối tác nước ngoài phải bảo đảm có năng lực và cam kết hợp tác nghiên cứu theo đúng mục tiêu, nội dung đã thỏa thuận;

d) Có phương án phối hợp cụ thể với đối tác nước ngoài trong việc triển khai nhiệm vụ, sử dụng và khai thác kết quả hợp tác nghiên cứu; quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia thực hiện nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân trong nước phối hợp với đối tác nước ngoài xây dựng thuyết minh nhiệm vụ hợp tác song phương và đa phương theo Biểu A-SPĐP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài

1. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài bao gồm 02 hợp phần: đề tài tìm kiếm công nghệ và dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài được lựa chọn theo nguyên tắc nêu tại Điều 4 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Công nghệ cần tìm kiếm để hỗ trợ chuyển giao được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng;

b) Mục tiêu chính của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài được phân định theo từng hợp phần cụ thể như sau:

- Hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ thực hiện nghiên cứu, xây dựng báo cáo hồ sơ công nghệ. Báo cáo hồ sơ công nghệ phải phân tích, làm rõ được thông tin chính liên quan đến công nghệ, các giai đoạn phát triển của công nghệ, đối tượng nắm giữ công nghệ, điều kiện và khả năng chuyển giao công nghệ vào Việt Nam;

- Hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ, nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ. Hoạt động chuyển giao công nghệ phải kèm theo chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ kèm theo đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài là báo cáo hồ sơ công nghệ; công nghệ nước ngoài được chuyển giao, góp phần hình thành sản phẩm, dịch vụ mới hoặc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp. Sản phẩm tạo ra từ nhiệm vụ có địa chỉ ứng dụng cụ thể, có giá trị gia tăng cao và sản xuất ở quy mô lớn;

d) Tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ gồm tổ chức khoa học và công nghệ (có lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với công nghệ cần tìm kiếm) và doanh nghiệp (có nhu cầu, cam kết thực hiện chuyển giao công nghệ). Hoạt động chuyển giao công nghệ trong hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ phải bảo đảm có ít nhất 02 doanh nghiệp và 01 nhóm nhà khoa học và công nghệ thuộc tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam tham gia; có đủ năng lực (tài chính, nhân lực, tổ chức) để thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ; có kế hoạch phát triển công nghệ và tổ chức kinh doanh sản phẩm.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân xây dựng thuyết minh nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài theo 02 hợp phần gồm: thuyết minh hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ; thuyết minh hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo Biểu B-TKCG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình

1. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phục vụ trực tiếp việc triển khai mục tiêu, nội dung của Chương trình;